

Số: 70 /HABECO -VP.HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức:** Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (“HABECO”)
 - **Mã chứng khoán/Mã thành viên:** BHN
 - **Địa chỉ:** Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.
 - **Điện thoại liên hệ:** 024.38453843 Fax: 024.37223784
 - **Email:** habeco@habeco.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2025 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
 - Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 29 /01/2026 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Trường Thắng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng</i>	13 – 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025.

Khái quát

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cát và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên độc lập
Bà Quán Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Đức Giang	Thành viên
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan. *✓*



Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026

Số: 01.07.2.7/25/BCTC/NVA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội, được lập ngày 29 tháng 1 năm 2026, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của đơn vị tại ngày 31/12/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của đơn vị cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần và Báo cáo kết quả công tác soát xét ngày 23/1/2025 có kết luận của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Bộ Tổng Giám đốc



Lê Hồng Đào

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.356.132.019.327	3.725.497.391.312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	470.947.019.173	646.361.710.800
1. Tiền	111		114.947.019.173	412.431.710.800
2. Các khoản tương đương tiền	112		356.000.000.000	233.930.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.393.078.900.000	2.623.586.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.393.078.900.000	2.623.586.200.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		193.881.408.699	156.958.257.409
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	77.466.015.192	70.105.789.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.898.776.963	22.538.580.862
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	100.303.346.091	70.100.617.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.786.729.547)	(5.786.729.547)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	253.901.133.852	268.153.824.000
1. Hàng tồn kho	141		254.480.313.542	268.733.003.690
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(579.179.690)	(579.179.690)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.323.557.603	30.437.399.103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	10.596.378.566	15.245.217.632
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.979.917.408	13.495.513.661
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	8.747.261.629	1.696.667.810
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.754.298.607.844	2.000.429.591.339
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		392.084.834.530	479.114.731.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	376.407.373.308	460.978.230.041
- Nguyên giá	222		3.998.517.498.972	4.003.091.543.009
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.622.110.125.664)	(3.542.113.312.968)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.677.461.222	18.136.500.997
- Nguyên giá	228		83.856.739.537	76.218.623.019
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(68.179.278.315)	(58.082.122.022)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	1.364.086.757	8.607.196.604
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.364.086.757	8.607.196.604
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.267.684.857.002	1.466.651.965.211
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.122.326.153.223	1.122.326.153.223
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		131.369.420.164	131.369.420.164
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.250.000.000	36.250.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(22.260.716.385)	(23.293.608.176)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	200.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		93.164.829.555	46.055.698.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	93.164.829.555	44.699.682.659
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	-	1.356.015.827
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.110.430.627.171	5.725.926.982.651

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.771.933.717.831	1.465.784.790.786
I. Nợ ngắn hạn	310		1.629.721.380.925	1.370.638.491.280
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.158.878.320.059	976.671.316.431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.082.414.393	4.266.034.737
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	151.161.846.179	160.423.176.280
4. Phải trả người lao động	314		114.557.364.540	82.222.325.531
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	46.823.295.457	24.320.798.895
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	68.375.497.050	70.312.649.109
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		67.842.643.247	52.422.190.297
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		142.212.336.906	95.146.299.506
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	142.212.336.906	95.146.299.506
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

4.0
TY
+
D
CHI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.763.956.461.581	1.850.827.578.717	5.950.581.296.340	5.732.148.541.830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.579.872.443	3.469.698.492	40.028.932.920	3.965.428.800
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.756.376.589.138	1.847.357.880.225	5.910.552.363.420	5.728.183.113.030
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.367.244.912.235	1.453.621.211.084	4.377.506.967.489	4.350.689.519.121
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.5	389.131.676.903	393.736.669.141	1.533.045.395.931	1.377.493.593.909
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.6	53.114.233.480	40.821.570.431	222.024.306.457	183.564.463.198
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	742.759.754	(4.268.324.400)	3.563.642.620	846.971.805
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	259.699.600.595	250.316.421.237	971.173.496.610	863.465.244.053
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	125.394.429.768	82.458.083.637	302.563.834.757	248.611.539.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.409.120.266	106.052.059.098	477.768.728.401	448.134.301.368
11. Thu nhập khác	31	VI.9	6.586.052.246	6.468.986.986	19.658.256.727	17.947.767.533
12. Chi phí khác	32	VI.10	5.881.023.312	-	5.885.924.293	2.139.555.099
13. Lợi nhuận khác	40		705.028.934	6.468.986.986	13.772.332.434	15.808.212.434
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.114.149.200	112.521.046.084	491.541.060.835	463.942.513.802
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	10.913.278.733	23.770.799.618	87.633.074.928	94.860.428.193
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		118.141.403	(353.485.162)	1.356.015.827	281.568.991
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.082.729.064	89.103.731.628	402.551.970.080	368.800.516.618

Người lập biểu

Kế toán trưởng

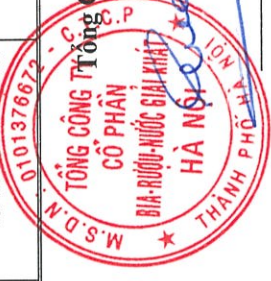
Tổng Giám đốc

Trần Quốc Việt

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		491.541.060.835	463.942.513.802
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		114.052.496.478	166.960.122.033
- Các khoản dự phòng	03		(1.032.891.791)	(1.141.177.863)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(212.525.816.117)	(180.844.909.616)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		392.034.849.405	448.916.548.356
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.158.403.777)	241.390.561.282
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.252.690.148	40.773.362.991
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		332.238.791.457	17.128.097.439
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(43.816.307.830)	(4.428.930.255)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(129.206.757.290)	(29.613.375)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(42.206.799.655)	(45.685.638.732)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		498.138.062.458	698.064.387.706
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.158.016.615)	(40.670.986.045)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		734.988.364	166.409.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.048.807.000.000)	(3.554.814.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.479.314.300.000	2.941.950.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		186.869.609.166	165.236.898.883
<i>Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư</i>	30		(407.046.119.085)	(488.131.978.071)

213
ĐNC
TNT
M 7
JV
P. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(266.506.635.000)	(348.194.880.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(266.506.635.000)	(348.194.880.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(175.414.691.627)	(138.262.471.165)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		646.361.710.800	784.624.181.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		470.947.019.173	646.361.710.800

Người lập biểu

Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc

Ngô Quế Lâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 4 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 6 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mì, bột mì, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

MINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2025 là: 509 người (tại ngày 31/12/2024 là 515 người).

- Tại ngày 31/12/2025 Tổng Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Kinh doanh bia rượu	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%	53,89%

- Tại ngày 31/12/2025 Tổng Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	39.860.000.000	28,10%	28,10%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%	44,22%

- Tại ngày 31/12/2025 Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

+ Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Thôn Yên Nhân, xã Mê Linh, TP Hà Nội;

+ Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

030E
C.
KIẾ
A
T-TI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

- d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

1384

NG
NH
TC
VA

HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15	03 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
Thương hiệu	04	04
Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phân tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Tổng Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyên giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	114.947.019.173	412.431.710.800
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	356.000.000.000	233.930.000.000
Cộng	470.947.019.173	646.361.710.800

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số	
- Ngắn hạn	3.393.078.900.000	3.393.078.900.000	2.623.586.200.000	2.623.586.200.000	
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	3.393.078.900.000	3.393.078.900.000	2.623.586.200.000	2.623.586.200.000	
- Dài hạn	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	
Cộng	3.393.078.900.000	3.393.078.900.000	2.823.586.200.000	2.823.586.200.000	

(*) **Ghi chú:** Tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đang được cầm cố tại ngân hàng đến ngày 31/12/2025 là 384.900.000 VND để bảo đảm cho việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	100,00%	50.000.000.000	100,00%	50.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	55,00%	30.631.673.095	55,00%	30.631.673.095
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	65,01%	82.343.478.402	65,01%	82.343.478.402
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	51,00%	10.200.000.000	51,00%	10.200.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	66,31%	56.448.402.482	66,31%	56.448.402.482
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	55,00%	82.689.355.104	55,00%	82.689.355.104
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	62,05%	37.666.057.755	62,05%	37.666.057.755
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	68,95%	14.487.313.191	68,95%	14.487.313.191
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	54,29%	143.696.608.717	54,29%	143.696.608.717
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	60,00%	22.977.925.427	60,00%	22.977.925.427
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	52,64%	8.673.477.197	52,64%	8.673.477.197
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội	96,10%	223.535.805.853	96,10%	223.535.805.853
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	98,56%	106.581.700.000	98,56%	106.581.700.000
Công ty CP Habeco Hải Phòng	75,83%	106.709.356.000	75,83%	106.709.356.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	53,89%	53.885.000.000	53,89%	53.885.000.000

Cộng **1.122.326.153.223**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con 19.547.758.345

Giá trị thuần **1.102.778.394.878**

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty con tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP Habeco Hải Phòng là 80,75%.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****c) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,10%	11.200.000.000	28,10%	11.200.000.000
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	8.304.865.190	28,00%	8.304.865.190
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	16.478.300.000	45,00%	16.478.300.000
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	27.305.100.155	40,00%	27.305.100.155
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	52.605.154.819	27,21%	52.605.154.819
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	15.476.000.000	44,22%	15.476.000.000
Cộng		131.369.420.164		131.369.420.164
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-		268.239.306
Giá trị thuần		131.369.420.164		131.101.180.858

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****d) Đầu tư vào đơn vị khác**

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinaceglass	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	5,00%	3.000.000.000	5,00%	3.000.000.000
Cộng		36.250.000.000		36.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.712.958.040		2.712.958.040
Giá trị thuần		33.537.041.960		33.537.041.960

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****3. Phải thu của khách hàng**

	<u>Cuối kỳ</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	77.466.015.192	70.105.789.058
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	37.046.648.647	26.127.745.020
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	717.254.581	525.950.755
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	16.324.265	10.598.370
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	2.128.750.042	2.898.069.760
Công ty TNHH MTV thương mại HABECO Miền Trung	6.473.256.297	4.861.619.557
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	23.446.633.510	25.315.317.861
Phải thu các khách hàng khác	7.637.147.850	10.366.487.735
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>77.466.015.192</u>	<u>70.105.789.058</u>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.**4. Phải thu khác**

	<u>Cuối kỳ</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	100.303.346.091	70.100.617.036
Tạm ứng	204.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	84.061.485.574	53.761.740.495
Phải thu lãi cho Công ty CP Sữa Việt Mỹ vay	834.570.285	834.570.285
Văn phòng đại diện Krones tại Hà Nội	9.182.856.480	9.182.856.480
Phải thu khác	6.020.433.752	6.321.449.776
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>100.303.346.091</u>	<u>70.100.617.036</u>

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****5. Nợ xấu**

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285	834.570.285	834.570.285	
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468	601.913.468	601.913.468	
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	
Các đối tượng khác	970.484.679	970.484.679	970.484.679	970.484.679	
Cộng	5.786.729.547	5.786.729.547	5.786.729.547	5.786.729.547	

6. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng đi trên đường	-	-	257.660.000	-	
Nguyên liệu, vật liệu	105.382.374.311	-	86.511.326.171	-	
Công cụ, dụng cụ	56.878.031.551	579.179.690	59.225.311.033	579.179.690	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.001.542.976	-	37.539.699.896	-	
Thành phẩm	60.704.671.844	-	67.798.446.108	-	
Hàng hóa	3.513.692.860	-	17.400.560.482	-	
Cộng	254.480.313.542	579.179.690	268.733.003.690	579.179.690	

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	Đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Đơn vị tính: VND	
					Cuối kỳ	
Dự án ERP	5.206.809.953	1.920.465.518	5.968.116.518	-	1.159.158.953	
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc tầng 1	3.105.242.629	-	-	3.091.940.650	13.301.979	
Hội trường Tổng công ty						
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	295.144.022	-	-	103.518.197	191.625.825	
Cộng	8.607.196.604	1.920.465.518	5.968.116.518	3.195.458.847	1.364.086.757	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>							
Số dư đầu năm	885.955.859.831	2.967.197.960.680	46.557.667.851	92.196.580.517	11.183.474.130	4.003.091.543.009	
Số tăng trong kỳ	-	17.104.518.762	2.083.801.182	5.538.035.000	36.655.000	24.763.009.944	
- Mua sắm mới	-	17.104.518.762	2.083.801.182	5.538.035.000	36.655.000	24.763.009.944	
Số giảm trong kỳ	9.909.444.317	-	4.212.293.155	15.215.316.509	-	29.337.053.981	
- Thanh lý, nhượng bán	433.750.000	-	4.212.293.155	-	-	4.646.043.155	
- Giảm khác	9.475.694.317	-	-	15.215.316.509	-	24.691.010.826	
Số dư cuối kỳ	876.046.415.514	2.984.302.479.442	44.429.175.878	82.519.299.008	11.220.129.130	3.998.517.498.972	
<i>Giá trị đã hao mòn</i>							
Số dư đầu năm	666.994.101.509	2.743.792.241.239	39.390.757.651	83.273.047.287	8.663.165.282	3.542.113.312.968	
Tăng trong kỳ	38.242.726.516	59.306.723.427	2.151.215.033	3.414.531.044	840.144.165	103.955.340.185	
Giảm trong kỳ	4.794.275.451	-	4.212.293.155	14.951.958.883	-	23.958.527.489	
- Thanh lý, nhượng bán	433.750.000	-	4.212.293.155	-	-	4.646.043.155	
- Giảm khác	4.360.525.451	-	-	14.951.958.883	-	19.312.484.334	
Số dư cuối kỳ	700.442.552.574	2.803.098.964.666	37.329.679.529	71.735.619.448	9.503.309.447	3.622.110.125.664	
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình	175.603.862.940	181.203.514.776	7.099.496.349	10.783.679.560	1.716.819.683	376.407.373.308	
Tại ngày đầu năm	218.961.758.322	223.405.719.441	7.166.910.200	8.923.533.230	2.520.308.848	460.978.230.041	
Tại ngày cuối kỳ	175.603.862.940	181.203.514.776	7.099.496.349	10.783.679.560	1.716.819.683	376.407.373.308	

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.626.011.921.407 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>			
Số dư đầu năm	332.763.757	75.885.859.262	76.218.623.019
Số tăng trong kỳ	-	7.638.116.518	7.638.116.518
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	83.523.975.780	83.856.739.537
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm	332.763.757	57.749.358.265	58.082.122.022
Số tăng trong kỳ	-	10.097.156.293	10.097.156.293
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	67.846.514.558	68.179.278.315
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>			
Tại ngày đầu năm	-	18.136.500.997	18.136.500.997
Tại ngày cuối kỳ	-	15.677.461.222	15.677.461.222

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 40.590.406.530 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	10.596.378.566	15.245.217.632
Chi phí bảo hiểm	3.073.262.028	1.487.794.079
Chi phí biển hiệu, vật dụng quảng cáo	1.662.638.636	2.638.983.439
Chi phí sửa chữa tài sản và phụ tùng thay thế	5.860.477.902	11.118.440.114
b) Dài hạn	93.164.829.555	44.699.682.659
Chi phí vỏ chai, két	71.253.774.522	24.798.877.413
Chi phí tiền thuê đất, thuê kho	18.253.172.817	18.830.692.185
Chi phí biển hiệu, vật dụng quảng cáo	3.552.594.729	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	105.287.487	1.070.113.061
Cộng	103.761.208.121	59.944.900.291

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	1.356.015.827
Cộng	-	1.356.015.827

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****12. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	1.158.878.320.059	1.158.878.320.059	976.671.316.431	976.671.316.431	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	280.800.000	280.800.000	-	-	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	151.655.625	151.655.625	-	-	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	16.488.211.158	16.488.211.158	4.228.111.838	4.228.111.838	
Cty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	48.379.003.272	48.379.003.272	22.489.710.080	22.489.710.080	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hồng Phát	957.463.135	957.463.135	2.714.480.970	2.714.480.970	
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	20.717.118.944	20.717.118.944	18.889.026.956	18.889.026.956	
Công ty CP Vận tải Habeco	2.148.416.204	2.148.416.204	8.032.445.316	8.032.445.316	
Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	85.033.987.335	85.033.987.335	120.141.600.824	120.141.600.824	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	37.367.442.853	37.367.442.853	50.932.677.645	50.932.677.645	
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	56.858.198.140	56.858.198.140	58.765.756.411	58.765.756.411	
Công ty Cổ phần Bao bì HABECO	6.050.229.099	6.050.229.099	14.191.151.735	14.191.151.735	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	18.906.968.470	18.906.968.470	24.620.845.645	24.620.845.645	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	8.901.689.918	8.901.689.918	13.205.957.047	13.205.957.047	
CN công ty TNHH ASIA Packaging industries (Việt nam) tại miền Bắc	24.083.395.685	24.083.395.685	-	-	
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	470.318.200	470.318.200	379.733.200	379.733.200	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	342.187.211.196	342.187.211.196	217.911.044.358	217.911.044.358	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	489.896.210.825	489.896.210.825	420.168.774.406	420.168.774.406	
b) Dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	1.158.878.320.059	1.158.878.320.059	976.671.316.431	976.671.316.431	

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.****13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	Đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp	160.423.176.280	2.129.546.253.155	2.138.807.583.256	151.161.846.179
Thuế giá trị gia tăng nội địa	-	287.034.120.290	287.034.120.290	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.929.372.779	3.929.372.779	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	105.373.895.386	1.732.818.370.678	1.700.779.921.877	137.412.344.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.304.293.789	87.633.074.928	129.206.757.290	11.730.611.427
Thuế thu nhập cá nhân	1.687.345.265	16.178.196.232	15.918.450.372	1.947.091.125
Thuế đất, tiền thuê đất	-	814.060.309	814.060.309	-
Thuế tài nguyên	57.641.840	1.057.922.160	1.043.764.560	71.799.440
Thuế, phí khác	-	81.135.779	81.135.779	-
b) Phải thu	1.696.667.810	14.199.840.460	21.250.434.279	8.747.261.629
Thuế đất, tiền thuê đất	1.696.550.403	13.590.459.991	20.641.053.810	8.747.144.222
Thuế, phí khác	117.407	609.380.469	609.380.469	117.407

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả**

	<u>Cuối kỳ</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	46.823.295.457	24.320.798.895
Chi phí bán hàng, hỗ trợ bán hàng	33.984.697.873	12.397.926.135
Trích trước chi phí sửa chữa	1.709.154.434	-
Trích trước chi phí XD CB	1.383.512.697	9.405.340.569
Chi phí phải trả khác	9.745.930.453	2.517.532.191
b) Dài hạn	-	-
Cộng	46.823.295.457	24.320.798.895

15. Phải trả khác

	<u>Cuối kỳ</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	68.375.497.050	70.312.649.109
Kinh phí công đoàn	326.886.137	343.032.628
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.300.507.211	884.040.615
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	61.723.435.284	61.660.070.284
Phải trả phải nộp khác	5.024.668.418	7.425.505.582
b) Dài hạn	142.212.336.906	95.146.299.506
Nhận ký cược chai kết	142.212.336.906	95.146.299.506
Cộng	210.587.833.956	165.458.948.615

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước (01/01/2024)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.698.027.465	881.894.480.143	4.295.392.799.130	
Lãi trong kỳ trước				368.800.516.618	368.800.516.618	
Trích cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(347.700.000.000)	(347.700.000.000)	
Tạm trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2022				(54.789.123.883)	(54.789.123.883)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành			(266.000.000)	(1.296.000.000)	(1.296.000.000)	
Sử dụng quỹ an sinh xã hội					(266.000.000)	
Số dư cuối kỳ trước (31/12/2024)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.432.027.465	846.909.872.878	4.260.142.191.865	
Số dư đầu năm nay (01/01/2025)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.432.027.465	846.909.872.878	4.260.142.191.865	
Lãi trong kỳ này				402.551.970.080	402.551.970.080	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023				(266.570.000.000)	(266.570.000.000)	
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2023				(55.636.252.605)	(55.636.252.605)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2023			(695.000.000)	(1.296.000.000)	(1.296.000.000)	
Sử dụng quỹ an sinh xã hội					(695.000.000)	
Số dư cuối kỳ này (31/12/2025)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	10.737.027.465	925.959.590.353	4.338.496.909.340	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	%	Đầu năm VND	%
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	84.604,50	173.554,81
- EUR	-	3.640,62

35
CC
T
IẾ
A
/T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

	Quý 4/2025		Quý 4/2024		Lũy kế từ đầu năm		Lũy kế từ đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ								
Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hóa	1.754.345.008.057	1.837.919.831.360			5.900.337.668.817	5.682.372.043.105		
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	9.611.453.524	12.907.747.357			50.243.627.523	49.776.498.725		
Cộng	1.763.956.461.581	1.850.827.578.717			5.950.581.296.340	5.732.148.541.830		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.								
2. Các khoản giảm trừ doanh thu								
Hàng bán bị trả lại	118.469.126	106.979.668			836.997.115	602.709.976		
Chiết khấu thương mại	7.461.403.317	3.362.718.824			39.191.935.805	3.362.718.824		
Cộng	7.579.872.443	3.469.698.492			40.028.932.920	3.965.428.800		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ								
Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm, hàng hóa	1.746.765.135.614	1.834.450.132.868			5.860.308.735.897	5.678.406.614.305		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	9.611.453.524	12.907.747.357			50.243.627.523	49.776.498.725		
Cộng	1.756.376.589.138	1.847.357.880.225			5.910.552.363.420	5.728.183.113.030		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
4. Giá vốn hàng bán				
Giá vốn thành phẩm	381.593.909.305	394.028.769.092	1.570.372.138.814	1.571.657.295.924
Giá vốn hàng hóa	985.651.002.930	1.059.592.441.992	2.807.134.828.675	2.779.032.223.197
Cộng	1.367.244.912.235	1.453.621.211.084	4.377.506.967.489	4.350.689.519.121
5. Doanh thu hoạt động tài chính				
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.228.430.227	37.760.455.119	167.962.703.290	138.772.094.083
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.568.092.455	2.079.294.975	49.206.650.955	41.906.406.442
Lãi chênh lệch tỷ giá	317.710.798	981.820.337	4.854.952.212	2.885.762.673
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	-	200.000
Cộng	53.114.233.480	40.821.570.431	222.024.306.457	183.564.463.198
6. Chi phí tài chính				
Lỗ chênh lệch tỷ giá	317.609.052	1.042.248.104	4.596.534.411	2.664.839.483
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	425.150.702	(5.310.572.504)	(1.032.891.791)	(1.817.867.678)
Cộng	742.759.754	(4.268.324.400)	3.563.642.620	846.971.805

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
7. Chi phí bán hàng				
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ phân bổ	9.925.127.371	3.805.902.629	26.037.758.877	16.836.339.575
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng hóa	22.061.997.070	29.896.783.608	84.123.943.567	89.438.401.042
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	213.332.862.819	198.411.851.636	825.069.896.072	706.995.824.123
Các khoản chi phí bán hàng khác	14.379.613.335	18.201.883.364	35.941.898.094	50.194.679.313
Cộng	259.699.600.595	250.316.421.237	971.173.496.610	863.465.244.053
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Chi phí nhân viên quản lý	71.752.241.532	43.697.720.058	152.240.279.973	109.660.040.869
Chi phí khấu hao	8.729.353.464	8.441.983.081	36.179.515.764	33.698.487.165
Chi phí thuê đất	2.471.002.444	(5.398.070.248)	13.829.167.215	13.591.907.309
Chi phí quản lý khác	42.441.832.328	35.716.450.746	100.314.871.805	91.661.104.538
Cộng	125.394.429.768	82.458.083.637	302.563.834.757	248.611.539.881

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

9. Thu nhập khác	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
	VND	VND	đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
Thanh lý tài sản, CCDC	623.636.364	25.500.000	734.988.364	166.409.091
Thu phạt bồi thường	142.466.708	743.058.819	1.141.460.358	1.189.017.650
Thu từ bán bã bia	1.889.118.800	2.247.268.900	8.740.808.400	8.313.462.900
Thu hồi vỏ chai, kết	1.999.782.056	2.084.038.971	4.379.759.760	3.817.769.124
Thu nhập khác	1.931.048.318	1.369.120.296	4.661.239.845	4.461.108.768
Cộng	6.586.052.246	6.468.986.986	19.658.256.727	17.947.767.533
10. Chi phí khác	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
	VND	VND	đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
Giá trị còn lại của tài sản xử lý	5.378.526.492	-	5.378.526.492	-
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	4.523.806	-	9.424.787	2.138.821.444
Chi phí khác	497.973.014	-	497.973.014	733.655
Cộng	5.881.023.312	-	5.885.924.293	2.139.555.099

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.114.149.200	112.521.046.084	491.541.060.835	463.942.513.802
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(2.547.755.534)	6.181.556.931	(53.375.686.192)	(35.861.191.741)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.611.043.896	9.719.951.119	2.611.043.896	12.939.073.778
+ <i>Chi phí không được khấu trừ</i>	2.611.043.896	6.493.426.078	2.611.043.896	7.453.059.645
+ <i>Chi phí sửa chữa, cải tạo công trình và chi phí khác</i>	-	3.226.525.041	-	5.486.014.133
- Các khoản điều chỉnh giảm	5.158.799.430	3.538.394.188	55.986.730.088	48.800.265.519
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	4.568.092.455	2.079.294.975	49.206.650.955	41.906.406.442
+ <i>Chi phí sửa chữa, cải tạo công trình và chi phí khác</i>	590.706.975	1.459.099.213	6.780.079.133	6.893.859.077
Tổng thu nhập chịu thuế	54.566.393.666	118.702.603.015	438.165.374.643	428.081.322.061
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	30.279.015	-	9.244.163.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.913.278.733	23.770.799.618	87.633.074.928	94.860.428.193

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	311.105.802.897	315.745.477.003	1.211.574.063.483	1.169.048.049.610
Chi phí nhân công	81.516.067.275	55.037.851.174	221.708.986.568	172.753.253.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.689.638.635	31.184.488.380	114.052.496.478	166.960.122.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	311.404.412.451	313.775.471.923	1.166.134.802.386	1.047.539.435.339
Chi phí khác bằng tiền	42.462.853.614	33.394.164.204	114.007.190.082	105.052.383.438
Cộng	771.178.774.872	749.137.452.684	2.827.477.538.997	2.661.353.244.418

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng
Công ty CP Bao bì Habeco

Công ty liên kết
Công ty liên kết

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ kế toán Quý 4 năm 2025, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Thu hồi vỏ chai kết	191.645.453	561.850.000
	Bán hàng hóa, thành phẩm	4.270.119.411.030	4.147.161.487.292
	Tiền điện, nước, khác	307.740.172	1.337.021.000
	Phạt vi phạm, khác	9.312.000	43.984.000
	Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	50.782.884.238	4.851.970.479
	Lợi nhuận được chia	7.000.000.000	1.794.864.967
	Cho thuê VP, kho, vật dụng quảng cáo	13.352.832.560	14.883.815.708
	Khuyến mãi, hỗ trợ sản lượng tiêu thụ	355.065.024.422	333.912.519.047
	Mua tài sản	-	8.521.797.868
	Bán vật tư, hàng hóa	72.732.000	150.480.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Cổ tức được chia	2.640.000.000	2.640.000.000
	Bản quyền nhãn hiệu	1.160.093.664	1.143.627.984
	Cổ tức được chia	895.050.000	1.491.750.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa	25.080.000	12.540.000
	Bản quyền nhãn hiệu	236.911.118	150.721.584
	Mua hàng hóa	126.665.841.750	133.144.307.650
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Bán vật tư, hàng hóa	21.410.889.842	22.505.409.332
	Bản quyền nhãn hiệu	50.295.168	25.510.723
	Chi phí khác	497.435.755	30.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Hỗ trợ nhãn hiệu	50.274.000	-
	Cổ tức được chia	1.570.877.500	2.199.228.500
	Mua hàng hóa	175.122.535.280	170.504.164.150
	Bán vật tư, hàng hóa	1.380.229.494.842	1.305.380.959.214
	Chi phí hỗ trợ bán hàng	74.620.242.340	72.870.065.124
	Vật dụng quảng cáo	-	624.300.000
	Bán quyền nhãn hiệu	383.722.272	387.816.008
	Thu hồi vỏ chai kết	604.842.181	6.283.093
	Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	8.194.369.227	845.282.040
	Cho thuê kho	1.548.456.000	-
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Phạt vi phạm	-	10.520.500
	Mua hàng hóa	85.484.970.690	86.619.426.920
	Bán vật tư, hàng hóa	14.042.065.989	14.700.551.794
	Mua nắp chai	10.410.607.000	11.828.584.500
	Cổ tức được chia	689.500.000	965.300.000
	Bán thành phẩm	1.319.151.235.000	1.205.014.982.550
	Hàng bán trả lại	731.085.750	748.999.000
	Cổ tức được chia	5.621.400.000	5.621.400.000
	Cho thuê mặt bằng, điện nước	3.299.157.600	3.337.622.099
	Sửa keg	1.566.620.000	909.038.840
Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Tiền điện, nước, khác	194.128.878	-
	Chi phí hỗ trợ bán hàng, VDQC, thuế keg	66.097.958.364	819.720.000
	Chi phí hỗ trợ bán hàng	-	554.306.400
	Bán thành phẩm, hàng hóa	-	6.372.102.160
	Phạt vi phạm	125.843.636	-
	Mua hàng hóa	520.132.700.000	515.771.525.240
	Bán vật tư, hàng hóa	199.482.705.417	176.400.221.041
	Cổ tức được chia	10.571.220.000	10.571.220.000
	Bán quyền nhãn hiệu	3.258.804.254	3.229.676.064

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Chi phí khác	-	50.000.000
	Mua hàng hóa	262.703.542.240	292.668.655.330
	Bán vật tư, hàng hóa	93.506.939.417	102.644.573.920
	Bán quyền nhãn hiệu	2.156.700	6.091.800
	Điện, nước và khác	14.922.460	9.813.305
	Chi phí khác	195.000.000	210.000.000
	Mua hàng hóa	457.783.931.870	446.274.211.930
	Bán vật tư, hàng hóa	164.574.736.318	151.711.893.134
	Cho thuê thiết bị	2.067.000.000	2.067.000.000
	Cổ tức được chia	1.067.068.000	-
Hỗ trợ nhãn hiệu	7.776.000	-	
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Chi phí khác	-	30.000.000
	Bán vật tư, hàng hóa	672.441.030	623.238.000
	Cổ tức được chia	5.119.075.000	5.388.500.000
	Chi phí khác	260.000.000	100.000.000
	Bán quyền nhãn hiệu	8.362.501.841	7.607.114.942
	Thuế mặt bằng, khác	9.452.075	122.830.665
	Mua hàng hóa	382.851.002.720	394.653.331.810
	Bán vật tư, hàng hóa	131.819.922.288	137.491.041.716
	Bán quyền nhãn hiệu	358.072.461	330.349.181
	Chi phí khác	-	50.000.000
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Nam Định	Cổ tức được chia	204.000.000	204.000.000
	Bán quyền nhãn hiệu	799.127.283	998.094.352
	Thuế kho, khác	1.289.600.000	1.508.880.000
	Bán vật tư, hàng hóa	147.000.186	141.702.000
	Mua hàng hóa	148.428.308	41.593.949
	Mua hàng hóa	5.973.103.040	-
	Bán vật tư, hàng hóa	4.138.755.911	627.666.000
	Cổ tức được chia	1.008.000.000	1.008.000.000
	Bán quyền nhãn hiệu	4.038.893.280	4.840.812.720
	Cho thuê mặt bằng	1.123.200.000	1.123.200.000
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
	Cước vận chuyển, bốc xếp	25.413.465.112	29.281.039.592
	Cổ tức được chia	3.593.092.455	2.079.294.975
	Bán phế liệu	243.704.500	286.592.440
	Mua vỏ chai	1.705.827.600	1.656.148.680
	Cổ tức được chia	7.732.848.000	7.732.848.000
	Mua vật tư bao bì	87.271.642.526	85.399.942.650
	Điện, nước và khác	78.208.000	73.648.584
	Chi phí khác	18.000.000	-
	Cổ tức được chia	309.520.000	-

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	Đơn vị tính: VND
		Cuối kỳ	Đầu năm

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê mặt bằng	1.328.873.510	1.392.737.580
	Mua hàng hóa	(280.800.000)	-
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê tài sản	23.446.633.510	25.315.317.861
	Mua hàng hóa	(56.858.198.140)	(58.765.756.411)
	Mua hàng hóa	(470.318.200)	(379.733.200)
	Mua hàng hóa	(63.467.000)	-
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Bán vật tư, hàng hóa	310.720.562	227.634.157
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Bán vật tư, hàng hóa	53.269.254	22.677.203
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Mua hàng hóa	(37.367.442.853)	(50.932.677.645)
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa	26.546.779	19.374.371
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Bán vật tư, hàng hóa	-	3.012.256.852
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Bán vật tư, hàng hóa	(8.901.689.918)	(13.205.957.047)
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Mua hàng hóa	16.324.265	10.598.370
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Mua hàng hóa	(18.906.968.470)	(24.620.845.645)
	Mua hàng hóa	(151.655.625)	-
	Bán vật tư, hàng hóa	2.128.750.042	2.898.069.760

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
		Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Mua hàng hóa	(52.245.916.152)	(31.241.102.656)
	Bán vật tư, hàng hóa	6.502.343.047	5.038.315.557
	Nhận ký quỹ, ký cược	(7.385.716.600)	(7.738.297.200)
	Bán vật tư, hàng hóa	717.254.581	525.950.755
	Mua hàng hóa	(85.033.987.335)	(120.141.600.824)
	Nhận trước tiền hàng	(18.724.877.098)	(1.425.595.704)
	Chi phí hỗ trợ bán hàng, thuê keg và vận chuyển bốc xếp	(39.910.237.800)	-
	Nhận trước tiền hàng	(546.001.172)	(1.371.785.172)
	Nhận ký quỹ, ký cược	-	(548.072.000)
	Bán hàng hóa, thuê MB	37.046.648.647	26.127.745.020
	Nhận ký cược chai kết	(134.692.605.000)	(86.725.915.000)
	Phải trả khác	(342.187.211.196)	(217.911.044.358)
	Lợi nhuận được chia	35.090.000	-
	Bán vật tư, hàng hóa	104.084.747	147.941.875
	Thuế kho	(332.848.000)	-
	Bán vật tư, hàng hóa	44.132.813	116.024.461
	Mua hàng hóa	-	(166.536.240)
	Bán vật tư, hàng hóa	1.779.539.216	925.185.250
	Mua hàng hóa	(2.542.100.000)	-
	Cước vận tải	(2.148.416.204)	(8.032.445.316)
	Bán vật tư, hàng hóa	24.122.880	17.421.600
	Mua hàng hóa	(6.050.229.099)	(14.191.151.735)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán Quý 4 năm 2025, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Quý 4/2025		Quý 4/2024		Lũy kế từ đầu năm		Lũy kế từ đầu năm	
		VND	VND	VND	VND	đến Cuối kỳ	VND	đến 31/12/2024	VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị									
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	347.910.000	297.600.000	1.391.640.000	1.190.400.000				
Ông Ngô Qué Lâm	Thành viên	48.000.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000				
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	48.000.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000				
Ông Trần Thuận An	Thành viên	48.000.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000				
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	55.200.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000				
Bà Quan Lê Hà	Thành viên	55.200.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000				
Ông Trần Danh Đăng	Thành viên	55.200.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000				
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát									
Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	244.800.000	187.200.000	979.200.000	748.800.000				
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	48.000.000	24.000.000	192.000.000	96.000.000				
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	72.000.000	24.000.000	192.000.000	96.000.000				
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác									
Ông Ngô Qué Lâm	Tổng Giám đốc	474.531.750	268.800.000	1.898.127.000	1.075.200.000				
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		1.830.897.000	1.022.400.000	7.323.588.000	4.089.600.000				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có thể chấp, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng (xem thuyết minh V.2). Ngoài ra, Tổng Công ty không có bất kỳ khoản vay nào tại các ngân hàng, đồng thời Tổng Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Tổng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

HHH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Tổng
Số cuối kỳ	1.561.878.737.678	142.212.336.906	1.704.091.074.584
Phải trả cho người bán	1.158.878.320.059	-	1.158.878.320.059
Chi phí phải trả	46.823.295.457	-	46.823.295.457
Các khoản phải trả khác	356.177.122.162	142.212.336.906	498.389.459.068
Số đầu năm	1.318.216.300.983	95.146.299.506	1.413.362.600.489
Phải trả cho người bán	976.671.316.431	-	976.671.316.431
Chi phí phải trả	24.320.798.895	-	24.320.798.895
Các khoản phải trả khác	317.224.185.657	95.146.299.506	412.370.485.163

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



Trần Quốc Việt

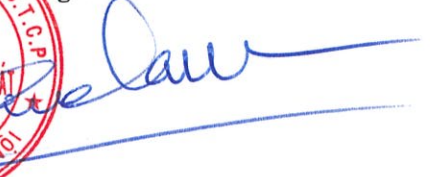
Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

